

CÔNG TY TNHH QP AUTHENTIC FRESH FINE FAST FOOD VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QP AUTHENTIC FRESH FINE FAST FOOD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QP VIETNAMESE AUTHENTIC FRESH FINE FAST FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QP FOODS VIETNAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109747960

3. Ngày thành lập: 16/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 121 phố 8/3, C23, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097.777.6996

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất đường	1072
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075(Chính)
13.	Sản xuất chè	1076
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
18.	Sản xuất rượu vang	1102
19.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
21.	In ấn	1811
22.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

23.	Sao chép bản ghi các loại	1820
24.	Xây dựng nhà để ở	4101
25.	Xây dựng nhà không để ở	4102
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
28.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bán buôn đồ uống	4633
31.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
32.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
38.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận)	4661
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép	4662
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
42.	Bán buôn tổng hợp	4690
43.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
44.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
45.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	4723
48.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
49.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
54.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
57.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
58.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
59.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
61.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
63.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
65.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
66.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
67.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
68.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
69.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
70.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
71.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
73.	Cơ sở lưu trú khác	5590
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
75.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
76.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
77.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
78.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
79.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

80.	Quảng cáo	7310
81.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
82.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
85.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
86.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
89.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	8220
90.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng	8291
92.	Dịch vụ đóng gói	8292
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ HƯƠNG LAN	Việt Nam	105 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	5,000	013206184	
2	NGUYỄN THỊ QUÝ PHƯƠNG	Việt Nam	C23-TTNM Dệt 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	950.000.000	95,000	001180003049	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUÝ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/09/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001180003049

Ngày cấp: 05/09/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: C23-TTNM Dệt 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P0304 Tòa Park 10, Khu đô thị Times City, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội